

Tập 23

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang hai mươi sáu:

(Sớ) Hựu thù ân phục hàm nhị nghĩa, nhất giả, niệm Phật thị ân trung chi thù, nhị giả, trì danh niệm Phật, hựu thù ân trung chi thù dã.

(疏) 又殊恩復含二義，一者念佛是恩中之殊，二者持名念佛，又殊恩中之殊也。

(Sớ: Lại nữa, “thù ân” còn bao gồm hai nghĩa: Một, niệm Phật là ân đức thù thắng nhất, hai, trì danh niệm Phật lại là thù thắng nhất trong các ân thù thắng).

Sách Diễn Nghĩa có giải thích mấy câu này.

(Diễn) Niệm Phật ân trung chi thù giả.

(演) 念佛恩中之殊者。

(Diễn: “Niệm Phật là ân thù thắng nhất” là...)

Ý nghĩa của chữ “thù ân” đã được giải thích trong phần trước.

(Diễn) Niệm Phật chi tỷ kỳ dư pháp môn, cố vi thù ân.

(演) 念佛之比其餘法門，故為殊恩。

(Diễn: So sánh Niệm Phật với các pháp môn khác, nên nói là ân thù thắng đặc biệt).

Trong phần trước, đại sư đã so sánh từng chuyện một trong quá trình dạy học suốt đời của Thích Ca Mâu Ni Phật: Dẫu là Nhất Thừa Viên Giáo như Hoa Nghiêm hay Pháp Hoa, tuy là đại pháp rốt ráo viên mãn, nhưng chẳng khế hợp căn cơ của chúng sanh trong thời kỳ Mạt Pháp. Nói cách khác, chẳng thể tắt gọn, nhanh chóng chứng nhập trong một đời. Chúng ta lại thấy các bộ kinh Đại Thừa quy kết Tây Phương Tịnh Độ.

Nếu có một phương pháp thật sự thành tựu Tịnh Độ, được sanh về Tịnh Độ thì nói cách khác, há chẳng phải là thông tay cũng đạt được pháp Nhất Thừa viên mãn ư? Đức Phật nói kinh điển nhiều dường ấy, có thể nói dụng ý của Ngài là lót đường cho pháp môn Di Đà, dạy chúng ta so sánh từng pháp môn thì mới thật sự phát hiện, thật sự nhận biết pháp môn

này đặc biệt lạ lùng chẳng thể nghĩ bàn! Do vậy, đức Phật nói Hoa Nghiêm và Pháp Hoa là “ân đức”, nói pháp môn Di Đà là “thù ân” (ân đức đặc biệt thù thắng). Đây là so sánh pháp môn Niệm Phật với các pháp môn khác.

(Diễn) Nhi Niệm Phật nhất môn, phục hữu đa chủng, như Quán Tượng, Quán Tướng, Thật Tướng đẳng.

(演)而念佛一門，復有多種，如觀像、觀想、實相等。

(Diễn: Nhưng một môn Niệm Phật lại có nhiều thứ, như Quán Tượng, Quán Tướng, Thật Tướng v.v...)

Pháp môn Niệm Phật lại có rất nhiều thứ, ở đây, quy nạp thành bốn loại: Quán Tượng, Quán Tướng, Thật Tướng, Trì Danh.

Quán Tượng là nhìn tượng Phật. Do vậy, tượng Phật nhất định phải tạc trang nghiêm, giống như quy củ tạc tượng được dạy trong Tạo Tượng Lượng Độ Kinh¹, phải khắc họa được ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp của Phật, chẳng thể thuận theo sự tưởng tượng trong tâm chính mình để tạo tượng Phật. Nếu tạc [theo sự tưởng tượng của chính mình] như vậy, sẽ là sai, [tạc tượng] có pháp tắc nhất định. Nói đến tượng Phật thì cũng có đồng học đến hỏi: “Chúng con thỉnh một bức tượng Phật về thờ trong nhà, nghe nói tượng Phật phải khai quang; không khai quang sẽ chẳng linh?” Năm ngoái, tôi giảng kinh tại Cự Kim Sơn (San Francisco), có một cư sĩ thỉnh tôi khai quang cho tượng Thiên Thủ Quán Âm. Tượng

¹ Tạo Tượng Lượng Độ Kinh do quan Tổng Quản Nghi Tân Chương Dịch Phiên Mông Chư Văn Tây Phiên Học của Nội Các nhà Thanh dịch, được đánh số 28 trong tập 1 của Vạn Tục Tạng Kinh. Chúng tôi xin trích một đoạn như sau: “*Dĩ tự thủ chỉ lượng, bách hữu nhị thập chỉ, nhục kế sùng tứ chỉ, phát tế diệp như thủ, diện luân thụ tung độ, đới bán thập nhị chỉ, phân tam vi ngạch ty, cập hài câu đắc nhất... Ấn đường bạch hào địa, quảng đới bán nhất chỉ, mi như sơ nguyệt nha, trung cao trường tứ chỉ, nhĩ quang hữu nhị chỉ, tiêm đẳng mi trung tế, đồng minh khoan tứ túc, khiêu không đắc bán chỉ, nhĩ đóa cao tứ mạch, quang phân ung mãn chỉ*” (Lấy ngón tay của chính mình để làm đơn vị đo, thì tượng Phật cao một trăm hai mươi ngón tay, nhục kế cao bốn ngón tay, mí tóc cũng giống như vậy, độ rộng của khuôn mặt là mười hai ngón ruồi, chia khuôn mặt thành ba phần là trán, mũi và cằm, mỗi phần đều nhau... Giữa hai chân mày là chỗ đặt tướng bạch hào, rộng chừng nửa ngón tay, lông mày như mảnh trắng non, chính giữa cao rộng khoảng bốn ngón tay. Tai có bè ngang bằng hai ngón tay, đỉnh tai ngang bằng với lông mày, vành tai rộng bằng bốn bàn chân [của tượng], lỗ tai rộng nửa ngón tay, trái tai có bè dày bằng bốn hạt lúa mạch, trái tai to bằng cả ngón tay).

Thiên Thủ Quán Âm ấy tạc rất trang nghiêm, cao bảy thước². Tôi còn chụp máy ảnh đem về làm kỷ niệm, tôi khai quang cho bức tượng Thiên Thủ Quán Âm ấy. Trong Phật môn, đây cũng là pháp tu học tất yếu.

“*Khai quang*” chẳng phải là khai quang cho tượng Phật. Nếu có thể khai quang cho tượng Phật thì quý vị lạy Phật sao bằng lạy tôi! Tôi khai quang cho tượng Phật khiến cho tượng Phật linh thiêng, tượng sẽ linh; tôi không khai quang, tượng chẳng linh. Vậy là tôi thiêng hơn tượng Phật nhiều lắm! Hằng ngày, quý vị mời tôi về nhà cúng dường tốt hơn, cần gì phải thỉnh tượng Phật bằng đất nặn, gỗ khắc? Đây là lầm lẫn quá đỗi! Do vậy, tượng Phật vừa tạc xong, cử hành một điển lễ bắt đầu [đưa tượng Phật] vào sử dụng, giống như dựng nhà xong làm lễ khánh thành, đến chúc mừng một phen. Tượng Phật có ý nghĩa càng đặc biệt hơn! Phải nói rõ ý nghĩa của tượng Phật. Vì sao phải thờ phụng? Ý nghĩa thờ phụng là đâu? Do nhờ vào tượng Phật để mở mang trí huệ quang minh của chính mình, đó gọi là “*khai quang*”. Nhờ vào tượng Phật để khơi mở ánh sáng Bát Nhã trong tự tánh của chính mình, chứ không phải là chúng ta khai quang cho tượng Phật. Chớ nên điên đảo chuyện này! Chúng ta vừa thấy [tượng] A Di Đà Phật, liền nghĩ A Di Đà Phật tượng trưng cho Vô Lượng Giác. Vừa trông thấy vị Phật ấy chúng ta liền giác chứ không mê, giác là ánh sáng! Cúng dường tượng Phật bèn suốt ngày từ sáng đến tối thời thời khắc khắc khai phát cho tâm địa của chính mình quang minh, ý nghĩa là như vậy đó. Do vậy, hôm thứ nhất thỉnh tượng Phật mới toanh để thờ về, thỉnh pháp sư đến thuyết pháp cho chúng ta, nói ý nghĩa của tượng Phật, công đức cúng dường, cách cúng dường đúng pháp là như thế nào thì chúng ta mới đạt được lợi ích chân thật do cúng dường, đó gọi là “*khai quang*”.

Hiện thời, mọi người đều làm sai, cứ ngỡ là khai quang tượng mới linh, linh ở chỗ nào? Tượng linh, còn quý vị chẳng linh. Tượng linh, nhưng bản thân quý vị mê hoặc, điên đảo, lầm lẫn rồi! Quán Tượng Niệm Phật thì phải là người rất có phước khí vì sao? Người ấy không cần làm việc, chẳng phải lo cơm áo, trong nhà tạc một tượng Phật, suốt ngày từ sáng đến tối nhìn tượng Phật, đó gọi là Quán Tượng. Phải nhờ vào tượng Phật bên ngoài để hiển lộ Tánh Đức của chính mình, đó gọi là Quán Tượng Niệm Phật. Thường xuyên nghĩ tới sự tu nhân chứng quả của Phật, chúng ta phải “thấy người hiền, mong được bằng”, đó là Quán Tượng Niệm Phật. Do vậy, Quán Tượng Niệm Phật không phải ai cũng có thể làm được. Nếu

² Nguyên văn “xích”, xích là đơn vị đo lường chiều dài của Trung Hoa, gần bằng một phân ba mét.

quý vị bôn ba vì cơm áo, lấy đâu ra thời gian để suốt ngày từ sáng đến tối quán tượng Phật?

Quán Tượng Niệm Phật là mười sáu phép Quán trong Thập Lục Quán Kinh (còn gọi là Quán Vô Lượng Thọ Kinh), nhưng cách Quán này hết sức tinh tế, miên mật, cũng chẳng dễ dàng gì! Mười sáu thứ cảnh giới, càng về sau càng sâu hơn. Ví như phép Quán thứ nhất là quán mặt trời lặn giống như cái trống treo nhằm hướng Tây Phương. Khi hoàng hôn, thấy thái dương đỏ rực lặn xuống núi, quán thành công sẽ ra sao? Bất luận khi nào, quý vị mở banh mắt hay nhắm tịt mắt, vàng mặt trời đỏ ấy luôn ở trước mặt, đó gọi là “*quán thành*” (quán tượng thành tựu). Đây chẳng phải là tượng tượng, chẳng phải là ta tưởng tượng có vàng thái dương ở trước mặt, không phải vậy! Quý vị mở banh mắt hay nhắm tịt mắt, vàng thái dương vẫn ở ngay trước mặt thì phép Quán thành tựu. Phép Quán thứ nhất đã thành công, lại quán phép Quán thứ hai, “*biến cả đống thành băng*”. Nếu phép Quán này thành công, bất luận ở chỗ nào, quý vị thấy mặt đất đều là đất lưu ly, phi thúy. Đó là gì vậy? Dùng sức quán biến đổi cảnh giới bên ngoài.

Cảnh chuyển theo tâm, nói đơn giản là toàn thể thế giới này biến thành thế giới Cực Lạc. Người bình thường cũng chẳng thể làm được chuyện này! Chú sớ kinh Thập Lục Quán, nêu bày lý luận của Tịnh Độ hết sức tinh vi, sâu xa, thấu triệt chính là bộ Thập Lục Quán Kinh Diệu Tông Sao. Tuy chúng ta chẳng thể nương theo phương pháp này để tu hành, vì thật sự cách tu này rất khó, nhưng nhất định phải hiểu những lý luận ấy do chúng sẽ có ích rất lớn cho việc trì danh niệm Phật của quý vị.

Thật Tướng Niệm Phật hiện thời chúng ta không làm được, vì sao? Phải đạt đến Lý nhất tâm bất loạn rồi mới có thể Thật Tướng niệm Phật. Trong bốn loại Niệm Phật, chúng ta có thể tu pháp Trì Danh. Đối với Quán Tượng và Quán Tượng thì quán tượng chúng ta chẳng thể có thời gian để làm như vậy được, Quán Tượng thì lúc nào, chỗ nào cũng đều có thể quán, nhưng chẳng thấy ai có thể quán thành tựu!

(Diễn) Nhi quán tượng, tác tượng khứ, hoàn vô, nhân thành gián đoạn.

(演) 而觀像，則像去還無，因成間斷。

(Diễn: Nhưng quán tượng thì rời khỏi tượng, lại là không, cái nhân trở thành gián đoạn).

Quán tượng chẳng thể gián đoạn, trong mười hai thời phải đối trước tượng Phật thì công phu mới chẳng gián đoạn, mấy ai có phước báo lớn đường ấy?

(Diễn) Quán tượng, tác tâm thô, cảnh tế, diệu quán nan thành.

(演) 觀想，則心粗境細，妙觀難成。

(Diễn: Quán tượng thì tâm thô, cảnh vi tế, phép Quán mẫu nhiệm khó thành).

Thật đấy! Chẳng giả tí nào! Trong tâm chúng ta quá nhiều tạp niệm, vọng tưởng quá nhiều. Thập Lục Quán Kinh giảng những cảnh giới vi tế, quả thật chẳng dễ gì quán thành công.

(Diễn) Thật Tướng, tác thượng trí nãi khắc thừa đương, trung hạ vị năng lãnh hà.

(演) 實相，則上智乃克承當，中下未能領荷。

(Diễn: Thật Tướng niệm Phật thì bậc thượng trí mới hòng tiếp nhận, căn cơ trung hạ chưa thể nhận lãnh, gánh vác).

Sau khi đặc Lý nhất tâm bất loạn, niệm Phật mới là Thật Tướng Niệm Phật, chứ Sự nhất tâm bất loạn sẽ chẳng thể!

(Diễn) Duy thử trì danh, chí giản, chí dị, phổ nhiếp chư căn, hạc xung, bằng cử, ký sậu, long phi, thù ân trung chi thù ân dã.

(演) 唯此持名，至簡至易，普攝諸根，鶴沖鵬舉，驥驟龍飛，殊恩中之殊恩也。

(Diễn: Chỉ có pháp trì danh này, đơn giản nhất, dễ dàng nhất, nhiếp khắp các căn, hạc tung mình, đại bàng sải cánh, ngựa Ký phi nước đại, rồng bay lên, là ân thù thắng nhất trong các ân thù thắng).

Mấy câu này tán thán công đức của Trì Danh Niệm Phật trong bốn thứ Niệm Phật. Trong pháp môn Niệm Phật, pháp môn này đơn giản dễ dàng, mà thành tựu thù thắng chẳng thể nghĩ bàn! Máy loại Niệm Phật kể trên nhiếp thọ hết thấy chúng sanh khác nhau. Ví như Thật Tướng Niệm Phật chỉ có bậc thượng trí lợi căn mới hành được, kẻ căn tánh trung hạ chẳng có phần. Quán Tượng cũng phải từ trung căn trở lên, kẻ hạ căn không thể làm được. Trì Danh thích hợp khắp ba căn, thâm tóm lợi căn lẫn

độn căn, có thể nói là hết thầy chúng sanh không ai chẳng thể tu, chỉ cần chịu tu, không một ai chẳng thành tựu. Cổ nhân bảo: “*Vạn người tu, vạn người về*” chính là nói về pháp môn Trì Danh Niệm Phật. “*Phổ nhiếp chư căn*”: Phổ biến nhiếp thọ hết thầy chúng sanh.

Hai câu tiếp theo đó là tỷ dụ sự thành tựu của người ấy, giống như bạch hạc, như chim đại bàng. Đây đều là những loài chim bay cao nhất. Câu tiếp đó tỷ dụ rồng và ngựa, chạy nhanh, bay cao, đều nhằm hình dung pháp môn Niệm Phật thù thắng nhất, thành tựu chẳng thể nghĩ bàn nhất. Trong mấy cách Niệm Phật này, Trì Danh thành tựu thù thắng nhất. Nói thật ra, thù thắng hơn Quán Tượng rất nhiều. Quán Tượng rất khó thành tựu, quán thành công khá khó khăn. Quý vị phải hiểu: Khi đã quán thành công rồi, nếu quý vị nâng cao cảnh giới đề đến cõi Thật Báo Trang Nghiêm thì phải bỏ tướng đã quán thành công ấy. Vì sao? Tướng ấy là tướng hư vọng. Phàm những gì có tướng đều là hư vọng. Quán Tượng là chấp tướng. Quán Tượng lẫn Quán Tượng đều là chấp tướng, vẫn phải bỏ sự chấp trước ấy. Chẳng dễ gì quán thành tựu, quán thành tựu khó khăn, bỏ đi cũng khó, vì ấn tượng quá sâu nên bỏ ấn tượng ấy cũng khó. Bỏ danh tự dễ dàng, vì danh tự là giả danh, đổi tên cũng được! Do vậy, đến cuối cùng, bỏ đi danh tự ấy dễ dàng hơn bỏ Quán Tượng, Quán Tượng nhiều lắm! Vì thế, trong bốn phương pháp Niệm Phật, chỉ có Trì Danh là gần với Thật Tướng nhất, đến cuối cùng nhất định phải cầu Thật Tướng thì đây mới là Lý nhất tâm bất loạn. Do đây, có thể biết: Từ phương pháp Trì Danh đến Thật Tướng Niệm Phật là con đường tắt. Vì vậy mới có hai câu tỷ dụ ấy.

Đoạn thứ nhất là Tán Kinh, được chia thành hai đoạn lớn, trước hết là Tổng Tán, sau đó Biệt Tán. Trong phần Biệt Tán có bốn đoạn nhỏ. Đoạn thứ nhất nói rõ vì sao Thích Ca Mâu Ni Phật phải nói kinh này, giới thiệu ý nghĩa đến đây đã xong. Tiếp theo đây là tiêu đoạn thứ hai, tựa đề của khoa này là...

Nhị, thống luận Tịnh Độ công đức.

(Tự) Chỉ tứ thập bát chi nguyện môn, khai nhất thập lục chi Quán pháp, nguyện nguyện quy hồ phổ độ, Quán Quán tông hồ diệu tâm.

二，統論淨土功德。

(序)指四十八之願門，開一十六之觀法，願願歸乎普度，觀觀宗乎妙心。

(Hai, luận chung về công đức của Tịnh Độ.

Tựa: Chỉ bày bốn mươi tám nguyện môn, mở ra mười sáu phép Quán, nguyện nào cũng quy về phổ độ, phép Quán nào cũng đề cao diệu tâm).

Đoạn này chỉ có bốn câu. Ý nghĩa được bao hàm trong bốn câu hết sức rộng lớn.

(Diễn) Chỉ tứ thập bát nguyện môn giả.

(Động) 指四十八願門者。

(Diễn): “Chỉ bày bốn mươi tám nguyện môn”...)

Câu này nói về điều gì? Nói đến A Di Đà Phật khi còn tu nhân, đây là chuyện [được chép] trong kinh Vô Lượng Thọ, tức chuyện tu hành của A Di Đà Phật khi còn tu nhân.

(Diễn) Pháp Tạng tỳ-kheo, ở Thế Tụ Tại Vương Phật sở, phát tứ thập bát nguyện.

(Động) 法藏比丘，於世自在王佛所，發四十八願。

(Diễn): Tỳ-kheo Pháp Tạng ở chỗ Thế Tụ Tại Vương Phật, phát ra bốn mươi tám nguyện).

Đây là nói lúc A Di Đà Phật xuất gia lần đầu tiên, Ngài phát tâm học Phật với Thế Tụ Tại Vương Phật, mang thân phận quốc vương, vứt bỏ ngôi vua, phát tâm xuất gia. Do đây, có thể biết: Xuất gia còn thù thắng hơn làm quốc vương, Ngài thật sự hiểu công đức và lợi ích xuất gia. Đây là thật sự phát tâm. Thuở ấy, khi Ngài xuất gia đã phát ra bốn mươi tám nguyện; nguyện văn của bốn mươi tám lời nguyện được chép trong kinh Vô Lượng Thọ.

(Diễn) Phật nãi nhất nhất niệm xuất, chỉ thị chúng sanh, cố viết “chỉ tứ thập bát” giả.

(Động) 佛乃一一拈出，指示眾生，故曰指四十八者。

(Diễn): Đức Phật nêu ra từng điều chỉ dạy chúng sanh, nên nói “chỉ bày bốn mươi tám nguyện”).

Chữ “Phật” chỉ Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, Ngài đã nêu ra từng điều nhằm chỉ dạy chúng ta. Không riêng Phật Thích Ca là như vậy, mà hết thầy chư Phật trong mười phương thế giới, không vị nào chẳng như

thê. Vì sao chúng ta biết? Qua kinh A Di Đà, chúng ta thấy mười phương chư Phật khác miệng cùng lời, không vị nào chẳng tán thán A Di Đà Phật, các Ngài đã tán thán A Di Đà Phật thì cũng nhất định khuyên chúng sanh trong thế giới của các Ngài cầu sanh Tịnh Độ. Đây là đạo lý đương nhiên.

(Diễn) Như quốc trung vô tam ác đạo nguyện, nãi chí tối hậu tứ đắc chư Nhân cứu cánh nguyện.

(演) 如國中無三惡道願，乃至最後即得諸忍究竟願。

(Diễn: Như nguyện “trong cõi nước không có ba ác đạo” cho đến nguyện cuối cùng là “liền rốt ráo đắc các Nhân”).

Đây là nêu đại lược: Nguyện thứ nhất, nếu Ngài thành Phật, trong cõi nước của Ngài không có ba ác đạo. Vì sao không có ba ác đạo? Phàm ai sanh về nước Ngài, quyết định chẳng tạo nghiệp duyên ba ác đạo. Học Phật, đặc biệt là người xuất gia, theo kinh điển, truyện ký và bút ký của cổ nhân qua các đời ghi chép, người xuất gia đọa lạc quá nhiều, đọa vào địa ngục, đọa trong ác đạo, vì duyên đọa lạc quá nhiều, đọa lạc hết sức dễ dàng! Trong Thích Môn Pháp Giới Lục³ ghi chép rất nhiều, đây chẳng qua là những trường hợp rành rành. Cuốn sách này do đệ tử của Ấn Quang đại sư là Quách cư sĩ biên soạn. Ông ta trích lục từ kinh, luận và truyện ký, mỗi chuyện đều chân thật. Chúng ta đọc xong, điều lành phải bắt chước; điều ác phải nỗ lực phản tỉnh kiểm điểm, sửa lỗi, đổi mới. Chẳng đọc cuốn sách này, nói thật ra, chính bản thân chúng ta chẳng biết chính mình có bao nhiêu tội lỗi, nói chung là cứ ngỡ điều gì ta cũng làm đúng. Chẳng soi gương, chẳng biết mặt mình bản thủ. Thích Môn Pháp Giới Lục là một tấm gương, phải đọc hằng ngày nhằm kiểm điểm tâm hạnh của chính mình, hòng biết chính mình có đọa lạc hay không.

Người thành công, trong mười hai thời tâm luôn nghĩ về đạo. Pháp môn này tuy là đạo dễ hành, trong mười hai thời, Phật hiệu chẳng thể gián đoạn, trong mười hai thời chớ nên khởi một vọng niệm nào, đây gọi là “công phu thành phiền”, mới nắm chắc điều kiện vãng sanh. Có điều kiện tốt đẹp dường ấy, đương nhiên chẳng đọa lạc trong ba ác đạo. Nói cách

³ Thích Môn Pháp Giới Lục do cư sĩ Quách Hàm Trai người tỉnh Hồ Nam biên soạn vào năm 1937, Ấn Quang đại sư giám định và viết lời tựa. Nội dung bao gồm những câu chuyện về tịnh hạnh cao đẹp cũng như những gương phá giới đọa lạc của các tỷ-kheo và tỷ-kheo-ni xưa nay trích từ các bộ Cao Tăng Truyện, Truy Môn Tông Hạnh Lục, Pháp Uyển Châu Lâm, Thái Bình Quảng Ký, Phật Tổ Thống Ký, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, Trúc Song Tùy Bút v.v...

khác, chính chúng ta phải luôn ghi nhớ, chính chúng ta phải biết: Nhân duyên ác đạo chẳng đoạn, dầu niệm Phật tốt đẹp đến mấy cũng chẳng thể vãng sanh. Sức mạnh của ác đạo nơi quý vị quá mạnh, chẳng tương ứng với Tây Phương Cực Lạc thế giới, quả báo là trong nạ quỷ đạo. Trong thế giới Cực Lạc không có nạ quỷ đạo, quý vị không có cách nào [vãng sanh Cực Lạc]. Quý vị phải hiểu rõ điều này, tối thiểu là quý vị phải có đủ tư cách sanh vào hai đường trời người thì mới đến được Tây Phương. Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới có nhân đạo (loài người), ta hội đủ điều kiện sanh trong nhân đạo thì mới có tư cách vãng sanh. Tam ác đạo là gì? Tham, sân, si, mạn. Trong tâm chúng ta có những thứ ấy hay không? Nếu còn có tham, sân, si, mạn, sẽ là chướng ngại. Người xuất gia tạo tội nghiệp càng nhiều, càng nghiêm trọng, chẳng thể tu học đúng lý, đúng pháp sẽ là tội nghiệp, là chướng ngại. Cổ đức nói rất hay: *“Thí chủ nhất lap mễ, đại như Tu Di sơn, kim sanh bất liễu đạo, phi mao đới giác hoàn”* (Một hạt gạo thí chủ, to như núi Tu Di, đời này chẳng liễu đạo, mang lông, đội sừng đên). Chúng ta phải kiêng sợ!

Giống như A Di Đà Phật trong lúc tu nhân đã phát ra đại nguyện như vậy, quả thật là hết sức khó có. Tuy Phật Phật đạo đồng, nhưng trong khi tu nhân, mỗi vị Phật đã phát nguyện hoàn toàn chẳng giống nhau. *“Chúng sanh vô biên thế nguyện độ”* là lời nguyện chung, cách độ như thế nào là lời nguyện riêng. Bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật là nguyện độ chúng sanh đặc biệt, biệt nguyện ấy không giống với những vị Phật khác!

(Diễn) Khai nhất thập lục Quán pháp giả, nhân Vy Đề khai thỉnh, nãi vị tuyên thuyết, kim nhật thị sáng, cố viết “khai”. Nhất thập lục giả, thị tự lục nhật huyền cổ quán, chung chí tam bối vãng sanh quán. Quán viết Pháp giả, các hữu pháp tắc tu bất nhất cố.

(演)開一十六觀法者，因韋提啟請，乃為宣說，今日始創，故曰開。一十六者，始自落日懸鼓觀，終至三輩往生觀。觀曰法者，各有法則修不一故。

(Diễn: “Mở ra mười sáu phép Quán” là do bà Vy Đề Hy khai thỉnh, đức Phật bèn vì bà ta tuyên thuyết, nay mới bắt đầu thành lập nên gọi là “khai”. Mười sáu phép Quán bắt đầu bằng phép Quán mặt trời lặn giống như cái trống treo cho đến phép Quán cuối cùng là ba bậc vãng sanh. Quán được gọi là Pháp vì mỗi môn Quán đều có pháp tắc tu trì khác nhau).

Giới thiệu giản lược Thập Lục Quán Kinh. Nhân duyên của Thập Lục Quán Kinh cũng hết sức đặc biệt, bà Vy Đề Hy thỉnh cầu đức Phật, đức Phật vì bà ta thị hiện các thứ trang nghiêm nơi Tây Phương Tịnh Độ. Bà ta thấy rồi, cầu Thích Ca Mâu Ni Phật dạy bà ta cách vãng sanh cõi Phật như thế nào. Do bản thân bà ta có thân phận là một vị hoàng hậu, sanh trong gia đình phú quý, thông minh, lợi căn, đức Phật dạy bà ta phương pháp này. Do vậy, đối với bà ta, phương pháp này không khó! Trong kinh ấy có tất cả mười sáu cảnh giới, “*thi tự lạc nhật huyền cổ*” (bắt đầu bằng [phép Quán] mặt trời lặn giống như cái trống treo), đây là phép Quán thứ nhất, quán mặt trời lặn lúc hoàng hôn, thái dương đỏ rực giống như cái trống treo giữa trời. Bắt đầu quán từ chỗ này, những cảnh giới [trong các phép Quán] sau càng vi tế, thâm mật hơn cảnh giới trước, đến phép Quán thứ mười sáu là ba bậc thượng, trung, hạ vãng sanh, cảnh giới ấy hết sức trang nghiêm, rất chẳng dễ quán cho lắm.

Mỗi một phép Quán trong ấy đều có phương pháp hết sức tinh tế, hàng hành nhân sơ cơ quyết chẳng thể tu tập được. Do vậy, cách tu khác nhau.

(Diễn) Nguyện nguyện quy hồ phổ độ giả, như Tứ Giáo, Tứ Hoàng các hữu tứ chủng.

(演) 願願歸乎普度者，如四教四弘各有四種。

(Diễn: Nguyện nguyện quy về phổ độ là như Tứ Hoàng Thế Nguyện trong Tứ Giáo mỗi nguyện đều có bốn loại).

Tứ Hoàng Thế Nguyện thì mỗi giáo trong Tứ Giáo Tạng, Thông, Biệt, Viên đều có. Tuy tên gọi của Tứ Hoàng Thế Nguyện trong Tứ Giáo giống nhau, nhưng cảnh giới khác nhau.

(Diễn) Kim tắc thuần thị chúng sanh vô biên thế nguyện độ dã.

(演) 今則純是眾生無邊誓願度也。

(Diễn: Nay những nguyện của A Di Đà Phật thuần là “chúng sanh vô biên thế nguyện độ”).

Bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật đều là pháp môn đặc biệt để độ chúng sanh, Ngài nói tường tận như thế đó!

(Diễn) Phổ vị thụ cùng hoành biến.

(演) 普謂豎窮橫遍。

(Diễn: Chữ “Phổ” có ý nói: Tột cùng theo chiều dọc, trọn khắp theo chiều ngang).

Theo chiều dọc tột cùng ba đời, theo chiều ngang trọn khắp mười phương.

(Diễn) Quy giả, vị tuy hữu tứ thập bát chủng bất đồng.

(演) 歸者，謂雖有四十八種不同。

(Diễn: “Quy” là tuy có bốn mươi tám thứ khác nhau).

Bốn mươi tám nguyện đều là “chúng sanh vô biên thế nguyện độ” trong Tứ Hoàng Thế Nguyện, từ nguyện này khai triển thành bốn mươi tám phương pháp khác nhau để độ chúng sanh.

(Diễn) Nhi yếu kỳ sở quy, tắc vô phi phổ độ dã.

(演) 而要其所歸，則無非普度也。

(Diễn: Nhưng quy kết về tánh chất trọng yếu của từng nguyện, không nguyện nào chẳng nhằm phổ độ).

Nguyện nào cũng nhằm giúp đỡ và thành tựu chúng sanh, khiến cho hết thảy chúng sanh thành tựu Vô Thượng Bồ Đề trong một đời. Chữ “nguyện nguyện” [trong câu “nguyện nguyện quy hồ phổ độ giả”] chỉ bốn mươi tám nguyện, mỗi một nguyện trong bốn mươi tám nguyện đều nhằm phổ độ chúng sanh, từ đây chúng ta có thể hiểu được lòng đại từ đại bi của A Di Đà Phật!

(Diễn) Tông hồ diệu tâm giả, tông do chủ dã, vị tuy hữu nhất thập lục chủng bất đồng, nhi cứu kỳ sở chủ, tắc vô phi diệu tâm dã.

(演) 宗乎妙心者，宗猶主也，謂雖有一十六種不同，而究其所主，則無非妙心也。

(Diễn: “Đề cao diệu tâm”: “Tông” giống như “chủ”, ý nói: Tuy có mười sáu phép Quán khác nhau, nhưng xét đến chỗ chủ yếu thì không phép nào chẳng nhằm lấy diệu tâm [làm chủ]).

Mười sáu phép Quán, phép Quán nào cũng đề cao diệu tâm. Tâm được gọi là Diệu là Diệu ở chỗ nào? Tiếp đó, sách viết:

(Diễn) Diệu tâm giả, vị thập lục Quán trung, nhược y, nhược chánh, giai dĩ pháp giới tâm, quán pháp giới cảnh, sanh u pháp giới y chánh sắc tâm dã.

(演)妙心者，謂十六觀中，若依若正，皆以法界心，觀法界境，生於法界依正色心也。

(Diễn: Diệu tâm là nói trong mười sáu phép Quán, dù y báo hay chánh báo đều dùng pháp giới tâm để quán pháp giới cảnh, sanh ra y báo, chánh báo, sắc và tâm trong pháp giới).

Đây là tông chỉ của Thập Lục Quán Kinh, là hết sức gần với Pháp Giới Quán trong kinh Hoa Nghiêm. Trong phần trước, chúng ta nói đến “tế tâm” (tâm vi tế), trên thực tế, nó là Định cảnh, tâm thanh tịnh mới có thể thành tựu diệu quán. Y báo, chánh báo trang nghiêm hiện tiền không gì chẳng phải là Nhất Chân pháp giới. “*Pháp giới tâm*” là chân tâm; nếu có phân biệt, chấp trước là không được rồi! “*Pháp giới cảnh*” là thật cảnh. Do đây có thể biết: Dùng mười sáu phép Quán để giúp đỡ và thành tựu quý vị sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Cõi Thật Báo Trang Nghiêm và Nhất Chân pháp giới được nói trong kinh Hoa Nghiêm là cùng một pháp giới.

Câu này nói rõ: A Di Đà Phật độ chúng sanh với mục tiêu dạy quý vị thành Phật, dạy quý vị nhập Nhất Chân pháp giới. Câu trước đó nói về bốn mươi tám nguyện, nguyện nào cũng nhằm độ chúng sanh; bốn câu này quả thật đã gồm trọn công đức của Tịnh Độ. Một đàng là Nguyện, một đàng là Hạnh. Nguyện và Hạnh đều đạt đến tột cùng.

(Sớ) Thượng tán Tịnh Độ pháp môn chi thắng, kim u Tịnh Độ, tiên xuất dư kinh, nhiên hậu giáo lượng thử kinh cánh vi thù thắng.

(疏)上讚淨土法門之勝。今於淨土，先出餘經，然後較量此經更為殊勝。

(Sớ: Trên đây đã khen ngợi sự thù thắng của pháp môn Tịnh Độ, nay đối với pháp môn Tịnh Độ, trước hết nêu ra các kinh khác, rồi mới so sánh để thấy kinh [A Di Đà] này càng thù thắng hơn nữa).

Ý nghĩa rất sâu, phương pháp rất xảo diệu, vì bốn mươi tám nguyện được giảng trong kinh Vô Lượng Thọ, mười sáu phép Quán được giảng trong Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh, rồi mới hiển thị phép Trì Danh Niệm Phật của kinh A Di Đà, quý vị thấy rất tuyệt! Đây là lấy ba kinh

Tịnh Độ đề so sánh giữa ba kinh với nhau, “*nhiên hậu giáo lượng thử kinh cánh vi thù thắng*” (rồi mới so sánh để thấy kinh này càng thù thắng hơn nữa). “*Thử kinh*” là kinh A Di Đà, càng thù thắng hơn, so với hai thứ trước (Quán Kinh và kinh Vô Lượng Thọ) vẫn thù thắng hơn.

(Sớ) Nguyên môn, Quán pháp cụ tại nhị kinh.

(疏) 願門，觀法，具在二經。

(Sớ: Bốn mươi tám lời nguyện và Quán pháp được chép đầy đủ trong hai kinh kia).

“*Nhị kinh*” là Vô Lượng Thọ Kinh và Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh. Tịnh Độ có ba kinh, như vậy là đoạn này nói đến hai bộ kinh kia.

(Sớ) Ngôn tòng sơ nguyện dĩ chí nguyện chung, vô phi tận nhiếp chúng sanh đồng sanh Tịnh Độ.

(疏) 言從初願以至願終，無非盡攝眾生同生淨土。

(Sớ: Ý nói: Từ nguyện đầu tiên cho đến nguyện cuối cùng, không nguyện nào chẳng nhiếp trọn các chúng sanh cùng sanh về Tịnh Độ).

Đây là tông chỉ của kinh Vô Lượng Thọ.

(Sớ) Tự sơ quán dĩ chí quán mật, tất thị Không, Giả, Trung Đạo, viên cực nhất tâm. Diêu thử nhất tâm, xuất sanh đại nguyện nhi thành Chánh Giác.

(疏) 自初觀以至觀末，悉是空假中道圓極一心，繇此一心，出生大願而成正覺。

(Sớ: Từ phép Quán đầu tiên cho đến phép Quán cuối cùng, đều là Không, Giả, Trung Đạo, nhất tâm viên mãn đến tột bậc. Do nhất tâm này, xuất sanh đại nguyện để thành Chánh Giác).

Đây là tông chỉ của Thập Lục Quán Kinh.

(Sớ) Tịch dĩ bản nguyện hoàn độ chúng sanh, nhi quy nhất tâm Tịnh Độ pháp môn. Nhị kinh đại giáo, ý cái như thử.

(疏) 即以本願還度眾生，而歸一心淨土法門。二經大較，意蓋如此。

(*Sớ*: Tức là do bốn nguyện, trở lại độ chúng sanh để họ nhất tâm hướng về pháp môn Tịnh Độ. So sánh đại lược hai kinh thì ý nghĩa vốn là như vậy).

“Đại” (大) là đại lược. So sánh đại khái thì ý nghĩa là như vậy đó. Đây là nói đến hai bộ kinh kia trong ba kinh Tịnh Độ, “tất thị Không, Giả, Trung Đạo, viên cực nhất tâm” (đều là Không, Giả, Trung Đạo nhất tâm viên mãn đến tột bậc). Đạo lý này có thể giúp chúng ta trì danh niệm Phật.

(*Diễn*) **Tất thị Không, Giả, Trung Đạo viên cực nhất tâm giả, Quán pháp hữu nhị, hữu Sự, hữu Lý. Sự Quán giả, thả như nhật quán, hành nhân diện Tây chánh tọa.**

(*Động*) 悉是空假中道圓極一心者，觀法有二，有事有理。事觀者，且如日觀，行人面西正坐。

(*Diễn*: “Đều là Không, Giả, Trung Đạo nhất tâm viên mãn đến tột bậc”: Quán pháp có hai loại là Sự và Lý. Sự Quán là như quán mặt trời, hành nhân quay mặt về phía Tây).

“Hành nhân” là người tu hành, khi mặt trời lặn xuống sau núi, quay mặt nhìn về phía Tây.

(*Diễn*) **Quán nhật dục lạc, trạng như huyền cổ, bế mục, khai mục, nhật tướng hiện tiền, danh vi Sự Quán.**

(*Động*) 觀日欲落，狀如懸鼓，閉目開目，日相現前，名為事觀。

(*Diễn*: Quán mặt trời sắp lặn, có hình dạng như cái trống treo, nhắm mắt, mở mắt, tướng mặt trời hiện tiền, gọi là Sự Quán).

Thật sự quán thành công chuyện này. Tôi vừa mới thưa cùng quý vị. Sự quán thành công thì chẳng có gì hy hữu, lạ lùng! Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng, quý vị phải hiểu đạo lý này. Hôm nay, có một người học trò hỏi tôi: “Trước đây không lâu, con gặp một vị Lạt-ma Tây Tạng có thần thông, vừa gặp mặt liền biết rất nhiều chuyện của con, chuyện này là như thế nào?” Tôi bảo anh ta: “Ông ta có tiểu thần thông, biết một chút những chuyện nhỏ nhặt, chứ không có đại thần thông!” Nhưng người trong thế gian ham chuộng chuyện quái lạ, cho rằng ai có một chút thần thông nhỏ nhoi bèn là phi phàm, người ấy là siêu nhân rồi!

Kinh Lăng Nghiêm có nói trong thời kỳ Mạt Pháp những hiện tượng như vậy rất nhiều, yêu ma quỷ quái dựa vào thân người ta, người ấy (tức người bị yêu ma dựa vào) bèn có thần thông. Sau khi yêu ma quỷ quái rời đi, kẻ ấy mất sạch năng lực. Bởi lẽ, thứ năng lực mà kẻ ấy có chẳng phải là năng lực chính mình vốn có, mà do tinh linh quỷ thần dựa vào thân. Kẻ ấy đến khắp nơi trong thế gian bịa đặt, gạt gẫm, tạo vô lượng vô biên tội nghiệp; tạo tội nghiệp như thế nào, chính kẻ ấy chẳng biết. Chính kẻ ấy mê hoặc, điên đảo, tạo tội nghiệp dường ấy, mà vẫn ngỡ mình đã tạo rất nhiều công đức, làm nhiều chuyện tốt, oan uổng quá! Đến ngày nào đó, chạm mặt vua Diêm La thăm vấn, vua Diêm La chỉ ra từng chuyện một, kẻ ấy mới hiểu chính mình đã phạm sai lầm, đến khi ấy, có hối cũng chẳng kịp.

Phật dạy cho chúng ta chánh pháp, giác chứ không mê, chánh chứ không tà, tịnh chứ không nhiễm, chẳng dạy chúng ta tin tưởng những kẻ có thần thông. Đức Phật dùng chánh pháp giáo hóa chúng sanh, trọn chẳng đem những thứ kỳ quái mê hoặc chúng sanh. Đức Phật có năng lực ấy, nhưng tuyệt đối chẳng dùng. Bồ Tát, A La Hán đều có năng lực ấy, đức Phật vẫn dùng chánh pháp giáo hóa chúng sanh, nhất định chẳng đề xướng những thứ ấy. Do vậy, [người nào] thị hiện một chút thần thông mà đã coi người ấy là phi phạm, gạt chánh pháp qua một bên, chẳng đếm xỉa tới, đó gọi là “*tà sư thuyết pháp như cát sông Hằng*”. Đây là điềm báo sẽ gặp kiếp nạn! Trong Tả Truyện, cô nhân Trung Quốc có nói: “*Quốc gia tương hưng, thịnh ư dân*”, [tức là] nghe theo ý kiến của bá tánh để cai trị, quốc gia ấy sẽ hưng vượng. “*Quốc gia tương vong, thịnh ư thần*”, nghĩa là suốt ngày từ sáng đến tối hỏi ý thần thánh, quốc gia ấy sắp diệt vong. Hai câu này của sách Tả Truyện quả thật đã được chứng thực trong lịch sử Trung Quốc. Khi một quốc gia nào đó hưng vượng thì đều là do con người mưu tính, tập hợp ý kiến đại chúng: Chúng ta phải làm theo cách như vậy! Đời Thanh, Từ Hy Thái Hậu bất luận chuyện lớn hay nhỏ đều cầu cơ, xin thần giáng bút, nghe theo lệnh thần, bà ta vong quốc! Chúng ta nghĩ đến tương lai, phải dựa vào Lý Tánh của chính mình để quyết định, gắng sức nỗ lực thì mới có tương lai, chứ quý vị suốt ngày từ sáng đến tối dựa dẫm thần thánh, tiền đồ của quý vị sẽ là một bầu hắc ám. Quý vị dựa dẫm vị thần ấy, ngày nào đó, thần bỏ đi, hết thầy mọi chuyện xong luôn! Gia đình quý vị muốn hưng vượng thì người trong nhà hòa thuận, cả nhà hợp tác, cùng nỗ lực tạo dựng cơ nghiệp, tương lai của gia đình quý vị mới sáng sủa. Cả nhà quý vị đều nghe lệnh quỷ thần, nhà ấy chẳng thể nào không diệt vong, làm sao không suy sụp cho được? Chớ nên nghe theo lời thần!

Phật dạy chúng ta tin vào chính mình, chứ không dạy chúng ta nghe lệnh Ngài. Phật dạy chúng ta tự giác. Do có đồng học tạc tượng Phật, tôi đặc biệt nêu lên ý nghĩa khai quang tượng Phật, đừng hiểu lầm. Phật dạy con người tự giác, dạy con người tự tin, chỗ vĩ đại của Phật khác với các thần giáo chính là ở chỗ này. Bất cứ tôn giáo nào [cũng đều phải là] “các người đều phải nghe theo lệnh ta, quyết định chớ nên trái nghịch ta”. Phật chẳng vậy, Phật dạy chúng ta nghe lệnh của chính mình, quý vị phải tự giác. Phật không có cách nào độ quý vị, Phật chẳng độ chúng sanh; nói rõ ràng, minh bạch như thế. Phật chỉ làm Tăng Thượng Duyên cho chúng ta, chính quý vị tự độ. Lục Tổ nói rất hay: “*Phật pháp là tự ngộ, tự tu, tự chứng, tự độ*”. Trong sách Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư đã giảng về tín tâm, món thứ nhất là Tín Tự (tin vào chính mình). Đây là điều kiện trọng yếu nhất, phải tin tưởng chính mình; kế đó, điều thứ hai là Tín Tha (tin vào người khác), chữ Tha chỉ những bậc đã từng trải, những người ấy có thể thành Phật thì ta cũng có thể thành Phật. Họ có thể khai ngộ, ta cũng có thể khai ngộ, phải tin tưởng điều này. Tin tưởng con đường do người từng trải đã đi, đáng cho chúng ta tham khảo, bắt chước, đây là Tín Tha. Do vậy, đệ tử Phật chẳng nương dựa, ý lại bất cứ ai, mà hãy nương cậy chính mình, Phật chẳng dạy chúng ta dựa dẫm Ngài. Do vậy, [người tu học] Phật pháp là một “vô y đạo nhân” (người tu đạo không dựa dẫm) độc lập, tự chủ. Đây là chỗ khác biệt giữa Phật pháp và tất cả các tôn giáo. Phật dạy chúng ta phải tin vào chính mình, kiên lập tín tâm nơi chính mình thì mới có thể thành tựu. Do vậy, Sự Quán thật sự có thể thành tựu, trong Duy Thức gọi đó là “*cảnh chuyển theo tâm*”. Mười sáu phép Sự Quán này đều dựa trên lý luận này để kiên lập.

(Diễn) Lý Quán giả hựu nhị.

(演) 理觀者又二。

(Diễn: Lý Quán lại có hai loại).

Lý Quán hết sức trọng yếu, đối với pháp môn Niệm Phật, chúng ta phải nắm được [Lý Quán]. Trong Thập Lục Quán Kinh, nắm được Lý Quán sẽ có thể giúp cho chúng ta nhanh chóng thành tựu công phu thành phiền và nhất tâm bất loạn, nó có thể trợ giúp! Thế nhưng quý vị phải nhớ: Dùng lý luận, chứ không dùng phương pháp, vận dụng lý luận vào việc trì danh niệm Phật, phải hiểu ý nghĩa này!

(Diễn) Thứ Đệ Tam Quán giả.

(演) 次第三觀者。

(Diễn: Ba phép quán [Không, Giả, Trung] theo thứ tự là...)

Trong Lý Quán, trước hết nói tới Thứ Đệ Tam Quán, ở đây nêu lên một ví dụ, thế nào là Thứ Đệ Tam Quán?

(Diễn) *Tiên quán thử nhật, do tướng sở thành, toàn thể tánh Không, vô hữu tự tánh vi Không Quán.*

(演) 先觀此日，由想所成，全體性空，無有自性為空觀。

(Diễn: Trước hết quán mặt trời do tướng mà thành, toàn thể tánh là Không, chẳng có tự tánh, đó là Không Quán).

Sau khi quý vị quán thành công, mở banh mắt, mặt trời ở ngay trước mặt; nhắm mắt, mặt trời vẫn ở ngay trước mặt quý vị. Đúng là ở ngay trước mặt, quả thật có hiện tượng ấy. Hiện tượng ấy do đâu mà có? Do chính quý vị tưởng thành, trọn chẳng phải là vàng mặt trời thật. Thật sự có hình tướng ấy, hình tướng ấy do quý vị tưởng thành. Tưởng niệm quá sâu, kết thành tướng ấy. Nếu quý vị hiểu rõ đạo lý này, mới thật sự thấu hiểu ba tế tướng trong A Lại Da Thức. Tướng Phần do đâu mà có? Tướng Phần từ Kiến Phần biến hiện ra, Kiến Phần là quán tướng, tướng ấy thật sự có thể biến thành Tướng Phần. Do vậy, Tướng là giả, Tướng do Kiến Phần biến hiện ra. Từ đây, chúng ta có thể thật sự ngộ nhập ba tế tướng đã nói trong Duy Thức, hiểu Tánh và Tướng có cùng một nguồn, Tánh và Tướng bất nhị, đối với điều này càng hiểu rõ ràng, minh bạch hơn, mà cũng thật sự giác ngộ những câu “nhất thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn bào ảnh”, “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng” (hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng; phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng) như kinh Kim Cang đã nói. Vì sao? Chúng không có tự tánh, chẳng có tự thể. Đây là Không Quán. Nói theo mặt Lý, đây là Không Quán. Nói theo mặt Sự, quả thật có sự tướng tồn tại.

(Diễn) *Phục hữu quán tướng nhân duyên, thành thử nhật tướng, tác bất hoại giả tướng vi Giả Quán.*

(演) 復有觀想因緣，成此日相，則不壞假相為假觀。

(Diễn: Lại có nhân duyên quán tướng tạo thành tướng mặt trời ấy, nên chẳng hoại giả tướng, đó là Giả Quán).

Giả tướng ấy có tồn tại hay không? Tồn tại! Giả tướng thành tựu như thế nào? Chiếu theo phương pháp đức Phật đã nói. Chiếu theo phương pháp ấy để quán tưởng khi giả tướng ấy biến hiện, [sẽ thấy] quả thật có giả tướng tồn tại, nhưng bản thể của giả tướng ấy chính là Không.

(Diễn) *Dĩ thử nhị Quán vi phương tiện, thứ quán Giả xư toàn Không, Không xư toàn Giả, phi Không, phi Giả vi Trung Quán, thị nãi tiên Không, thứ Giả, hậu Trung, vi Thứ Đệ Tam Quán dã.*

(演) 以此二觀為方便，次觀假處全空，空處全假，非空非假為中觀。是乃先空次假後中，為次第三觀也。

(Diễn:) *Lấy hai phép Quán ấy làm phương tiện, kế đó, quán nơi Giả toàn là Không, quán nơi Không toàn là Giả, chẳng phải Không chẳng phải Giả là Trung Quán. Đây chính là: Trước hết là Không, kế đến là Giả, cuối cùng là Trung, đó là Thứ Đệ Tam Quán).*

Nêu ra một thí dụ. Nếu quý vị biết cách sử dụng thì trong hiện thời, bất luận mắt quý vị thấy gì, tai nghe tiếng gì, thân tiếp xúc gì, cho đến tâm suy nghĩ gì, đều có thể dùng phương thức này, dùng ví dụ này, sẽ thấy thấu suốt chân tướng của sự thực trước mắt. Đây là dùng phương pháp Thứ Đệ Tam Quán để nhìn thấu suốt muôn hình tượng. Sau khi thấy thấu suốt, tướng còn có hay không? Có chứ! Có còn chấp trước hay không? Chẳng chấp trước! Trong tâm quý vị, hết thấy muôn hình tượng đều thanh tịnh, há chẳng phải là giúp cho quý vị đạt nhất tâm bất loạn ư? Từ bậc trung cản trở lên mới sử dụng phương pháp này được. Nhất Tâm Tam Quán còn khó hơn nhiều. Quả thật chúng ta đều có thể vận dụng Thứ Đệ Tam Quán.

(Diễn) *Nhất Tâm Tam Quán giả, sở quán chi cảnh, tức Chân, tức Tục, tức Trung.*

(演) 一心三觀者，所觀之境，即真即俗即中。

(Diễn:) *Nhất Tâm Tam Quán là cảnh được quán chính là Chân, là Tục, là Trung).*

“Tục” là Giả.

(Diễn) *Năng quán chi quán, tức Không, tức Giả, tức Trung.*

(演) 能觀之觀，即空即假即中。

(Diễn: Sự quán chiếu của cái tâm quán tưởng chính là Không, là Giả, là Trung).

Một mà ba, ba nhưng một, đồng thời, chẳng theo thứ tự.

(Diễn) *Dĩ Nhất Tâm Tam Quán, quán Tam Đế nhất cảnh, nhi cảnh ngoại vô quán, quán ngoại vô cảnh, cảnh quán song vong, duy nhất diệu tâm.*

(演) 以一心三觀，觀三諦一境，而境外無觀，觀外無境，境觀雙忘，唯一妙心。

(Diễn: Dùng Nhất Tâm Tam Quán để quán cảnh Tam Đế, ngoài cảnh không có quán, ngoài quán không có cảnh, cảnh và quán cùng mất, chỉ có một diệu tâm).

Đây là kiến tánh, cảnh giới ấy là Nhất Chân pháp giới.

(Diễn) *Thử tức dĩ cụ nhật chi tâm, quán w tức tâm chi nhật, linh bốn tánh nhật, hiển hiện kỳ tiền, vì nhất tâm viên diệu chi quán pháp dã.*

(演) 此即以具日之心，觀於即心之日，令本性日，顯現其前，為一心圓妙之觀法也。

(Diễn: Đây chính là dùng cái tâm sẵn có mặt trời để quán mặt trời trong tâm, khiến cho vàng mặt trời trong bốn tánh hiển hiện trước mặt, đây là cách Quán bằng nhất tâm viên diệu vậy).

Hiện tại, chúng ta chẳng thể học được điều này. Nếu hiện thời chúng ta muốn học, hãy học theo cách Thứ Đệ Tam Quán. Thứ Đệ Tam Quán thành tựu rồi, sẽ có thể buông cả thân tâm lẫn thế giới xuống; sau khi tâm thanh tịnh hiện tiền, đến khi ấy, Nhất Tâm Tam Quán sẽ tự nhiên hiển hiện. Có thể học Thứ Đệ Tam Quán, chứ Nhất Tâm Tam Quán chẳng thể. Đây là tinh hoa của mười sáu phép Quán, mười sáu loại cảnh giới đều dùng phương pháp này. Dùng Thứ Đệ Tam Quán có thể đạt công phu thành phẩm, có thể đạt Sự nhất tâm bất loạn. Dùng Nhất Tâm Tam Quán có thể đắc Lý nhất tâm bất loạn. Nhưng thưa quý vị, nói chung, [các pháp Quán ấy] chẳng bằng trì danh niệm Phật. Chẳng biết quán những điều ấy, hằng ngày cứ khởi vọng tưởng, quý vị dùng vọng tưởng để quán, làm mất

rồi! Đây chẳng phải là “*tác quán*” (đang thực hành quán tưởng) mà là “*tác quái*”, phiền phức rất lớn! Chẳng những quý vị tu không thành, mà đâu đâu cũng biến thành chướng ngại! Đây chẳng phải là chuyện dễ dàng đâu nhé! Nếu quý vị tu học Tam Chỉ Tam Quán, ắt phải nghiên cứu giáo nghĩa Thiên Thai, những thứ ấy đều phát xuất từ bộ Ma Ha Chỉ Quán. Bộ Ma Ha Chỉ Quán in theo lối đóng gáy bằng cách xỏ chỉ, gồm hai mươi quyển, đây là phương pháp tu Tam Chỉ Tam Quán của tông Thiên Thai, có lý luận và phương pháp khá rắc rối. Tiếp theo là nói về kinh này, trong ba kinh, đã nói đại lược hai kinh như trong phần trên, đối với kinh này (kinh A Di Đà), [sách Diễn Nghĩa] giảng tỉ mỉ hơn.

Tam, đặc thị trì danh vi yếu.

三、特示持名為要。

(Ba là đặc biệt chỉ ra tánh chất quan trọng của pháp trì danh).

Kinh này chủ trương trì danh. Trong các phương pháp tu hành của Tịnh Độ, cách này mới thật sự là tinh yếu, tâm yếu. Nếu như chúng ta nói Bát Nhã Tâm Kinh là tâm yếu của bộ Đại Bát Nhã sáu trăm quyển, mọi người công nhận điều này. Bát Thức Quy Củ Tụng là tâm yếu của kinh luận tông Duy Thức, lịch đại tổ sư đại đức cũng công nhận điều này, không bàn cãi gì nữa! Bát Thức Quy Củ Tụng do Huyền Trang đại sư biên soạn, quả thật phi phạm! “*Kinh Di Đà là tâm yếu của toàn bộ Đại Tạng Kinh*”, Ngẫu Ích đại sư nói như vậy, điều này cũng được các vị đại đức trong Tịnh Độ sau này công nhận, đây mới là trọng yếu! Trong phần này có hai đoạn:

Sơ, giáo luận yếu ước, nhị cứu minh lợi ích.

初較論要約，二究明利益。

(Trước hết, so sánh luận định [để chỉ rõ vì sao] phải chọn lấy cách hành trì đơn giản, trọng yếu, hai là nêu rõ lợi ích rất ráo).

Chúng ta đọc đoạn thứ nhất.

(Tự) Hựu dĩ nguyện môn quảng đại, quý tại tri tiên. Quán pháp thâm huyền, vuơ ung thủ ước. Tri tiên tắc vụ sanh bỉ quốc, thủ ước tắc duy sự trì danh, cử kỳ danh hệ, kiêm chúng đức nhi câu bị, chuyên hồ trì dã, thống bách hạnh dĩ vô di.

(序)又以願門廣大，貴在知先，觀法深玄，尤應守約。知先則務生彼國，守約則惟事持名，舉其名兮，兼眾德而俱備，專乎持也，統百行以無遺。

(Tựa: Lại do nguyện môn rộng lớn, cần nhất phải biết đâu là chỗ cần kíp trước hết. Phép Quán sâu xa, u huyền, càng phải nên chọn lấy cách đơn giản. Biết đâu là chỗ cần kíp trước hết, sẽ chú trọng sanh vào cõi kia, giữ lấy cách hành trì giản ước, sẽ chỉ chăm chú trì danh. Nêu lên danh hiệu ấy, các đức đều được đầy đủ. Chuyên trì sẽ gồm thâu trăm hạnh chẳng sót).

Mấy câu này nhằm so sánh ba kinh Tịnh Độ, kinh nào là ách yếu, đơn giản, dễ dàng, tức là tu học dễ dàng? Chúng ta đọc lời chú giải trong sách Diễn Nghĩa. Trước hết, sách Diễn Nghĩa giảng câu “nguyện môn quảng đại, quý tại tri tiên”.

(Diễn) Quảng dĩ “quảng đa, quảng bác” vi nghĩa. Quảng đa giả, Như Lai tánh trung bốn hữu diệu dụng, tiềm hưng, mật ứng, vô hữu cùng tận.

(演)廣以廣多廣博為義。廣多者，如來性中本有妙用，潛興密應，無有窮盡。

(Diễn: Quảng có nghĩa là “rộng nhiều, rộng lớn mênh mông”. “Rộng nhiều” là trong tánh Như Lai vốn có diệu dụng, ngầm đầy lên, thâm ứng hiện chẳng cùng tận).

“Như Lai tánh trung” là nói theo mặt Lý, mỗi một người chúng ta đều trọn đủ. Nếu chẳng trọn đủ, lẽ nào có y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới? Trong cái tâm tự tánh của chúng ta, có trọn đủ y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới. Lục Tổ nói: “Nào ngờ tự tánh, vốn sẵn đầy đủ” chính là nói đến ý nghĩa này. “Nào ngờ tự tánh, có thể sanh ra vạn pháp” cũng là ý nghĩa này. Quý vị phải biết, trong thiên hạ có nhiều chuyện kỳ quái lắm, có hay không? Có chứ! Do đâu mà có? Từ trong tự tánh của chúng ta sanh ra, có gì đáng ngạc nhiên! Hiện thời, chuyện bậc nhất trước mắt là chúng ta phải kiên tánh, đây mới là chuyện khẩn yếu. Trước mắt, chúng ta đã mê mất tự tánh và đức dụng của tự tánh, chúng ta không còn cảm thấy quen thuộc nữa nên kinh ngạc. Thật ra, chẳng có chuyện gì không phải là đức dụng của tự tánh.

(Diễn) Quảng bác giả, thử vô tận nguyện, nhất nhất đồng ư giác tánh, vô hữu phân hạn.

(演) 廣博者，此無盡願，一一同於覺性，無有分限。

(Diễn: “Rộng rãi mênh mông” là nguyện này vô tận, mỗi một nguyện giống như giác tánh chẳng có giới hạn).

“Bác” (博) là vô tận, không có cùng tận. “Phân hạn” là không có phân biệt, không có giới hạn. Hễ có phân biệt, có giới hạn, sẽ là mê. “Phân” (分) là phân biệt, là thức thứ sáu, tức Ý thức. “Hạn” (限) là giới hạn, tức thức thứ bảy chấp trước. Không chấp trước, lẽ đâu có giới hạn? Không có giới hạn! Chỉ cần tách lìa phân biệt, chấp trước, sẽ tương ứng với giác tánh, đó là Giác. Hễ có phân biệt, chấp trước bèn mê, chẳng tương ứng với giác tánh. Giác tánh không có giới hạn, chẳng có phân hạn. Quý vị có phân biệt, có giới hạn, sẽ mê mất giác tánh của chính mình.

(Diễn) Đại dĩ thụ cùng hoành biến vi nghĩa.

(演) 大以豎窮橫遍為義。

(Diễn: “Đại” có nghĩa là tột cùng theo chiều dọc, trọn khắp theo chiều ngang).

Theo chiều dọc tột cùng ba đời, theo chiều ngang trọn khắp mười phương.

(Diễn) Thụ cùng giả, thử nguyện tận vị lai tế vô hữu hưu tức. Hoành biến giả, thử nguyện sung mãn thập phương vô hữu biên tế.

(演) 豎窮者，此願盡未來際無有休息。橫遍者，此願充滿十方無有邊際。

(Diễn: “Tột cùng theo chiều dọc”: Nguyện này trọn hết đời vị lai không ngưng dứt; “trọn khắp theo chiều ngang”: Nguyện này tràn ngập mười phương không có ngăn mé).

Mấy câu này hình dung bốn mươi tám nguyện do A Di Đà Phật đã phát, nguyện nào cũng đều như vậy. Bốn mươi tám nguyện chính là tánh Bản Giác của A Di Đà Phật, mà cũng chân tâm của Ngài toàn thể hiện tiền. Nay chúng ta phát cái tâm có phân biệt, có giới hạn, cho nên nó chẳng phải là toàn bộ giác tánh. Đây là chỗ chúng ta thua kém Phật, Bồ Tát, sai biệt quá xa! Do vậy, chúng ta tu học siêng khổ như thế nào đi nữa, vẫn chẳng có cách nào đạt đến mức thành tựu lý tưởng, đạo lý là ở chỗ này,

chẳng thể tương ứng với giác tánh mà! Giác tánh là chân tâm, chân tâm thường trụ, là Chân Như bản tánh, [tâm chúng ta] chẳng tương ứng [với giác tánh]. Hãy nhớ: Chẳng tương ứng ở ngay trong câu này. Các Ngài không có phân biệt, giới hạn, chúng ta tạo lập phân biệt, giới hạn. Vốn chẳng có phân biệt, giới hạn, nhưng chúng ta lại khư khư tạo lập các thứ phân biệt, các thứ chấp trước; hễ như vậy bèn mê mất giác tánh.

Đã mê mất giác tánh thì tâm lượng quý vị sẽ nhỏ nhoi, nhỏ đến nỗi chỉ có mình quý vị, chẳng thể dung nạp một người nào khác! Quý vị nói xem có đáng thương hay không? Giác tánh của quý vị vốn là tận hư không, khắp pháp giới, như thường nói: “*Tâm bao khắp thái hư, lượng trọn khắp các cõi nhiều như cát*”. Hiện thời tâm lượng quý vị quá u nhỏ bé, ngay cả một người, một vật ở bên ngoài cũng chẳng thể dung nạp, làm sao có thể thành Phật được? Tâm lượng nhỏ xíu như thế, đời sau có được làm thân người hay không? Chẳng thể được thân người! Hãy nên nói “người” là như thế nào? Người có lòng nhân, do lòng nhân nên có thể dung nạp người khác, có thể suy từ mình để nghĩ đến người, “*kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân*” (điều gì ta không muốn, đừng làm cho người khác). Đây là đạo làm người. Điều kiện cơ bản của đạo làm người là “nhân, nghĩa, lễ, trí, tín”, chúng ta không thực hiện được điều đầu tiên (lòng nhân) là vì tâm lượng quá nhỏ, chẳng dung được người khác! Nhân (仁) là hai người, chứ không phải một người, trừ chính mình ra, còn có người khác; phải như vậy thì mới được làm người. Thứ gì cũng vì chính mình, chẳng có người khác, sẽ chẳng thể sanh vào loài người trong lục đạo, nguyên nhân là do tâm lượng quá nhỏ. Do vậy, tự tư tự lợi chỉ có chính mình, không có người khác, quả báo chắc chắn là trong tam ác đạo, cũng có thể nói là “sanh trưởng trong lục đạo được quyết định bởi tâm lượng lớn hay nhỏ”. Tâm lượng của chư thiên lớn hơn loài người, tâm lượng của con người lớn hơn súc sanh, tâm lượng của súc sanh lớn hơn ngựa quỳ.

Đọc kinh nhất định phải giác ngộ. Do vậy, đọc đoạn này, quý vị biết A Di Đà Phật phát tâm trong khi tu nhân người bình thường chẳng thể sánh bằng được. Khi Lục Tổ đại sư phát tâm, chúng ta đọc Đàn Kinh xong, thấy quả thật không có ai có khí khái như Ngài, Ngài phát tâm: “Tôi đến để làm gì? Tôi đến làm Phật!” Tâm lượng ấy hiếm có, nhưng nếu so sánh với bốn mươi tám nguyện của tỳ-kheo Pháp Tạng tức A Di Đà Phật trong khi còn tu nhân, Lục Tổ chẳng thể nào bèn gót được! Lục Tổ mong cầu toàn thể giác tánh, không có đại dụng. A Di Đà Phật vừa có toàn thể vừa có đại dụng. Nói theo mặt Thể, Lục Tổ và tỳ-kheo Pháp Tạng chẳng khác nhau; nói theo Dụng, khác biệt rất lớn! Bốn mươi tám nguyện,

nguyện nào cũng phổ độ hết thảy chúng sanh trong mười phương ba đời, thật phi phạm! Bốn mươi tám nguyện, nguyện nào cũng cụ thể dường ấy, chẳng phải là nói suông. Sau đây là lời giải thích câu “*quý tại tri tiên*”.

(Diễn) *Tiên hữu thủy nghĩa, tức hành viễn tự nhĩ chi ý.*

(演) 先有始義，即行遠自邇之意。

(Diễn: “*Tiên*” có nghĩa là bắt đầu, ý nói: Đi xa phải bắt đầu từ chỗ gần).

“*Nhĩ*” (邇) là gần; đi xa nhất định phải từ chỗ đặt chân cất bước.

(Diễn) *Hựu tiên hữu cấp nghĩa, tức tiên vụ chi vi cấp ý.*

(演) 又先有急義，即先務之為急意。

(Diễn: “*Tiên*” lại có nghĩa là gấp rút, ý nói: Trước hết, phải chú trọng nơi chuyện cần phải làm gấp).

Gấp nhất, trọng yếu nhất.

(Diễn) *Quý tại tri tiên giả, do Di Đà ngộ nhập Pháp Tánh, tòng tánh khởi nguyện, tánh vô tận, cố nguyện diệc vô tận. Cố tri dục nhập Di Đà nguyện hải, tất tiên ngộ triệt tự tâm, bất ngộ quảng đại chi tâm, bất nhập quảng đại nguyện hải cố.*

(演) 貴在知先者，由彌陀悟入法性，從性起願，性無盡，故願亦無盡。故知欲入彌陀願海，必先悟徹自心，不悟廣大之心，不入廣大願海故。

(Diễn: “*Cần nhất là phải biết chỗ cần kíp trước hết*”: Do Di Đà ngộ nhập Pháp Tánh, từ tánh khởi ra nguyện, vì tánh vô tận nên nguyện cũng vô tận. Do vậy biết: Muốn nhập Di Đà nguyện hải, ắt trước hết phải ngộ thấu triệt tự tâm. Chẳng ngộ cái tâm rộng lớn, chẳng thể vào biển nguyện rộng lớn được!)

Mấy câu này có ý nghĩa rất rõ ràng, chẳng khó hiểu. Do vậy, nếu chúng ta tu pháp môn Tịnh Độ, chẳng thể không khai ngộ, chẳng thể không giác ngộ, chẳng thể không mở rộng tâm lượng. Tâm lượng của Phật Di Đà quá lớn, chúng ta muốn vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, phải có cùng chí, cùng tâm, cùng nguyện, có độ lượng giống như A Di Đà Phật, những điều này đều tương ứng, lẽ nào chẳng vãng sanh? Quý vị phải

nhớ: Tâm lượng nhỏ nhoi sẽ chướng ngại vãng sanh. Tuy quý vị suốt ngày từ sáng đến tối niệm Phật hiệu không gián đoạn, niệm Phật suốt đời, vì sao chẳng vãng sanh? Tâm lượng quá nhỏ mà! A Di Đà Phật có thể dung nạp quý vị, nhưng quý vị chẳng thể dung nạp A Di Đà Phật, không có cách nào hết! Phật Di Đà có thể dung nạp quý vị, quý vị cũng có thể dung nạp Ngài thì mới được! Tâm lượng nhất định phải to, tâm lượng to thì mới có thể phá trừ tất cả giới hạn bởi phân biệt, chấp trước, mới thành công. Hôm nay đã hết giờ rồi!